

TỔ CHỨC BẢO TỒN ĐỘNG THỰC VẬT HOANG DÃ QUỐC TẾ

DỰ ÁN HOÀNG LIÊN SƠN



**ĐÁNH GIÁ CÁC MỐI ĐE DỌA ĐỐI LOÀI BÁCH TÁN ĐÀI LOAN KÍN
(*Taiwania cryptomerioides*) Ở HUYỆN MÙ CĂNG CHÁI, TỈNH YÊN BÁI VÀ
HUYỆN VĂN BÀN TỈNH LÀO CAI**



Trần Chí Trung - Mai Văn Thành

Hà nội, tháng 2 năm 2004

LỜI CẢM ƠN

Xin chân thành cảm ơn các cán bộ hạt Kiểm Lâm và Lâm Trường huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và huyện Mù Căng Chải, tỉnh Yên Bái đã tạo điều kiện thuận lợi để nhóm nghiên cứu hoàn thành nhiệm vụ.

Báo cáo không thể hoàn thành nếu thiếu sự giúp đỡ của các cán bộ và nhân dân 3 bản: Nà Nheo thuộc tỉnh Lào Cai; bản Lùng Cúng và Pìn Ngai thuộc tỉnh Yên Bái. Đặc biệt xin chân thành cảm ơn ông Trang A Cua – Phó chủ tịch UBND xã Nậm Có và ông Tráng A Vàng - trưởng bản Phìn Ngai đã tận tình cung cấp những thông tin hữu ích và tạo mọi điều thuận lợi cho nhóm nghiên cứu.

Xin cảm ơn Tổ chức bảo tồn Động, Thực vật Thế giới (FFI) đã tài trợ kinh phí để chúng tôi thực hiện nghiên cứu này.

CÁC TỪ VIẾT TẮT

BTĐL: Bách tán Đài Loan

CARES: Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp

CRES: Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường, ĐHQG Hà Nội

FFI: Tổ chức Động Thực vật Hoang dã Quốc tế

PRA: Đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia của người dân

RRA: Đánh giá nhanh nông thôn

UBND: Ủy ban nhân dân

VNĐ: Đồng Việt Nam

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN.....	2
CÁC TỪ VIẾT TẮT	2
MỤC LỤC	3
ĐẶT VẤN ĐỀ.....	4
MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU	4
1. Mục tiêu chung	4
2. Mục tiêu cụ thể:	4
PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	5
1. Phương pháp luận	5
2. Phương pháp nghiên cứu.....	6
THẢO LUẬN.....	8
1. Lịch sử hình thành của các bản Phìn Ngài, Lùng Cúng và Nà Nheo.....	8
2. Các khía cạnh về kinh tế trong bảo tồn loài cây Bách Tán Đài Loan.....	10
3. Hiện trạng quản lý tài nguyên ở Phìn Ngài, Nà Nheo và Lùng Cúng liên quan tới loài cây Bách tán Đài Loan.....	18
4. Vai trò của các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội trong việc bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng	22
ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ ĐE DỌA VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP	25
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	27
Kết luận	27
Kiến nghị	28
TÀI LIỆU THAM KHẢO	30

ĐẶT VẤN ĐỀ

Bách tán Đài Loan kín (*Taiwania cryptomerioides*) là cây gỗ thường xanh, cùng gốc, to, có thể cao hơn 30 m với đường kính thân đến hơn 1 m (ở Đài Loan có khi cao đến 75 m với đường kính thân 3,5 m). Vùng phân bố của loài cây này là từ Bắc Myanmar qua phần lục địa của nam Trung Quốc.

Tháng 10 năm 2001 nhóm nghiên cứu do TS. Nguyễn Tiến Hiệp làm trưởng nhóm đã phát hiện ra Bách tán Đài Loan tại huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Theo kết quả khảo sát thì có khoảng 100 cây Bách tán Đài Loan phân bố trên diện tích 3km². Tiếp đến TS. Aljos Farjon, trưởng nhóm chuyên gia về cây hình nón của IUCN đã đề xuất chi tiết kế hoạch bảo tồn loài cây này. Theo ông thì việc đánh giá về mặt kinh tế và xã hội tại các thôn gần khu vực phân bố của loài cây này cần được thực hiện đầu tiên, và đánh giá cần tập trung vào các mối đe dọa tới loài cây Bách tán Đài Loan kín và rừng xung quanh đó.

Loài cây này được phát hiện ở khu vực thuộc huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai giáp với huyện Mường Chải, tỉnh Yên Bái. Chúng đang có nguy cơ bị tuyệt chủng do nhiều nguyên nhân về sinh thái, kinh tế và xã hội. Do vậy đánh giá này là hết sức cần thiết cho việc xây dựng Kế hoạch Hành động Bảo tồn loài cây Bách Tán này.

Nhóm đánh giá gồm 2 thành viên từ Trung tâm Nghiên cứu Tài nguyên và Môi trường (CRES), Đại học Quốc gia Hà Nội và Trung tâm Sinh thái Nông nghiệp (CARES), Trường Đại học Nông nghiệp I Hà Nội đã triển khai đợt thực địa tại các thôn Phìn Ngai và Lùng Cúng thuộc huyện Mường Chải, tỉnh Yên Bái và thôn Nà Nheo, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai từ ngày 8/12/2003 đến ngày 20/12/2003.

MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

1. Mục tiêu chung

Tìm hiểu hiện trạng kinh tế-xã hội và sử dụng tài thiên nhiên, cũng như ảnh hưởng của chúng đến loài BTĐL kín, của các khu vực dân cư gần phân bố loài cây này, từ đó làm cơ sở cho việc xây dựng các hoạt động bảo tồn và phát triển chúng.

2. Mục tiêu cụ thể:

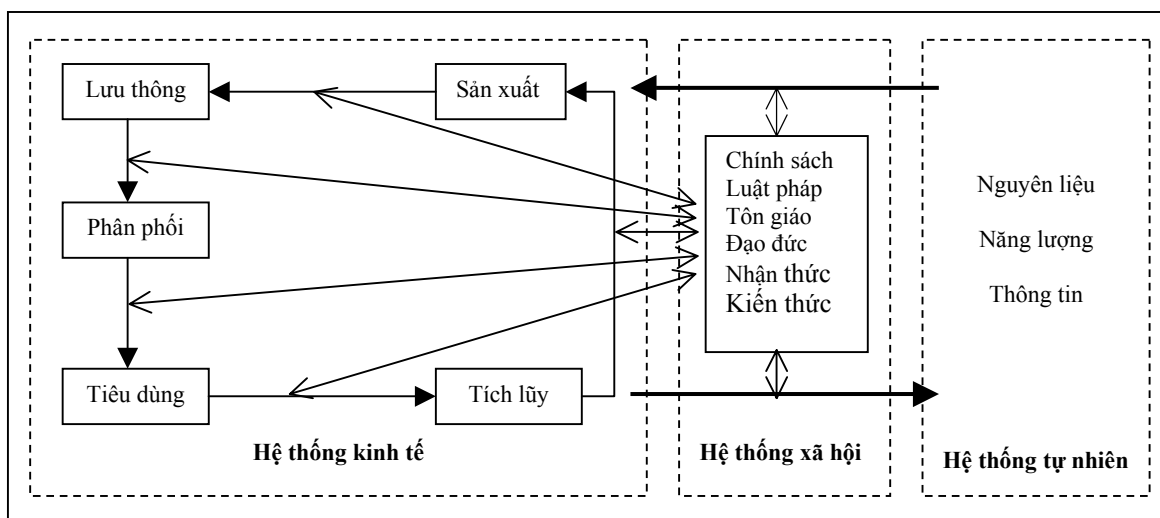
- Đánh giá hiện trạng kinh tế - xã hội của các cộng đồng thuộc khu vực gần khu vực phân bố của *Taiwania cryptomerioides*;

- Tìm hiểu lịch sử hình thành của các cộng đồng này về các khía cạnh như nhập cư, dòng buôn bán để có thể xem xét việc loài cây này mọc tự nhiên hay được mang đến đây trồng;
- Tìm hiểu hiện trạng sử dụng đất và giao đất giao rừng mà liên quan tới *Taiwania cryptomerioides*, cũng như các quy hoạch sử dụng đất này trong tương lai;
- Tìm hiểu về nhận thức của các cộng đồng tới công tác bảo tồn và các trở ngại từ phía các cộng đồng này;
- Đưa ra các khuyến nghị để xây dựng chương trình bảo tồn loài cây này.

PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Phương pháp luận

Nhóm nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận hệ thống trong nghiên cứu quản lý tài nguyên thiên nhiên vùng cao, đó là tài nguyên thiên nhiên là một bộ phận của tự nhiên. Sự tồn tại, vận động và biến đổi của nó chịu sự chi phối của các yếu tố tự nhiên, đồng thời nó cũng chịu sự chi phối mạnh mẽ bởi các yếu tố kinh tế xã hội. Mối quan hệ giữa tài nguyên thiên nhiên với các bộ phận khác của hệ thống sinh thái nhân văn được thể hiện ở hình 1.



Hình 1. Hệ thống sinh thái nhân văn trong quản lý tài nguyên

Trong sơ đồ này có thể thấy các hệ thống kinh tế, xã hội và tự nhiên có quan hệ chặt chẽ với nhau. Hệ thống tự nhiên cung cấp nguyên liệu, năng lượng, thông tin cho hệ thống kinh tế duy trì được hoạt động bình thường. Ngược lại hệ thống kinh tế cũng có tác động mạnh mẽ trở lại hệ thống tự nhiên thông qua việc khai thác tài nguyên, cải tạo môi trường và tạo ra phế thải. Công nghệ sản xuất là yếu tố quan trọng nhất có thể làm phục hồi và cải thiện, nhưng cũng có thể làm cạn kiệt và phá hủy hệ thống tự nhiên. Đến lượt mình, công nghệ

sản xuất và mối quan hệ giữa hệ thống tự nhiên và hệ thống kinh tế nói chung lại bị chi phối bởi các yếu tố xã hội như chính sách, tôn giáo, đạo đức, nhận thức và kiến thức,...

2. Phương pháp nghiên cứu

Với phương pháp luận như trên, các phương pháp chủ yếu chúng tôi sử dụng trong nghiên cứu này bao gồm:

2.1. Phương pháp kế thừa tư liệu

Phương pháp này được áp dụng để thu thập những thông tin cơ bản về điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội của từng cộng đồng dân cư qua các tài liệu thống kê của các tổ chức, các cứu về đa dạng sinh học ở khu vực nghiên cứu do Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật (IEBR) và FFI đã thực hiện. Ngoài ra các dữ liệu trên mạng internet liên quan đến bảo tồn loài cây bách tán Đài Loan kín cũng được thu thập.

Các số liệu như hiện trạng sử dụng đất, chiến lược phát triển kinh tế xã hội, kế hoạch khai thác của lâm trường, các số liệu cơ bản về thôn và xã nghiên cứu cũng được thu thập phục vụ cho nghiên cứu.

2.2. Phương pháp đánh giá nhanh nông thôn (RRA)

Phương pháp RRA được sử dụng để thu thập nhanh những thông tin ban đầu về các vấn đề hiện trạng tự nhiên, kinh tế xã hội có liên quan đến quản lý tài nguyên nói chung, và loài BTĐL kín nói riêng. Nhóm nghiên cứu đã phỏng vấn các cán bộ chủ chốt như cán bộ lâm nghiệp xã, trưởng bản ở các xã Khánh Yên Hạ và xã Nậm Có. Các cán bộ chi cục kiểm lâm, địa chính và lâm trường của các huyện huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và huyện Mù Căng Chải, tỉnh Yên Bái để thu thập



những thông tin ban đầu về hiện trạng kinh tế xã hội, kế hoạch bảo vệ và khai thác rừng, cũng như ranh giới quản lý hành chính của các xã, lâm trường, kế hoạch và chiến lược của từng đơn vị liên quan, đặc biệt là xác định các bất cập trong phát triển và bảo tồn để từ đó có những giải pháp phù hợp cho việc bảo tồn cây BTĐL.

2.3. Phương pháp đánh giá nhanh nông thôn có người dân tham gia (PRA)

Phương pháp PRA áp dụng để người dân tự đánh giá, xác định những yếu tố quan trọng nhất đang thúc đẩy, cản trở, thách thức quá trình quản lý tài nguyên và quá trình phát triển cộng đồng, cũng như đánh giá các mối đe dọa đến loài BTĐL kín, từ đó người dân lựa

chọn, đưa ra các giải pháp ưu tiên, những khuyến nghị về chính sách cho quản lý tài nguyên.

Nhóm nghiên cứu đã tổ chức 3 cuộc thảo luận với những nhóm người dân, cán bộ của 3 bản nói trên, và cán bộ xã Nậm Có và xã Khánh Yên Hạ. Trong khi sử dụng phương pháp này, nhiệm vụ của nhóm nghiên cứu là thúc đẩy các thành viên tham gia thảo luận để phát hiện các vấn đề liên quan đến quản lý tài nguyên và tìm kiếm các giải pháp nhằm thúc đẩy quản lý tài nguyên nói chung và bảo tồn loài BTĐL kín nói riêng.

Các chủ đề đã được phỏng vấn, thảo luận bằng việc sử dụng một loạt công cụ bao gồm:

(1) Các vấn đề xã hội của quản lý sử dụng tài nguyên như chính sách, luật pháp, qui định của cộng đồng,....

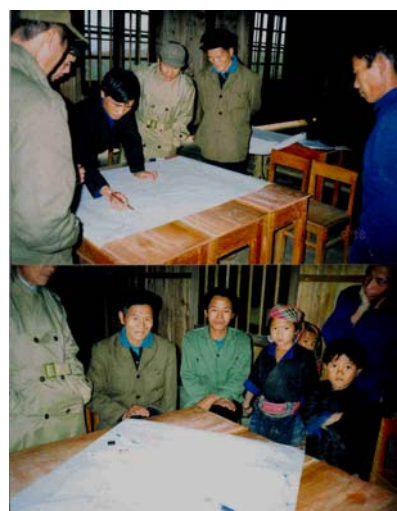
(2) Các vấn đề về kinh tế liên quan đến quản lý tài nguyên như kinh tế hộ, hoạt động thị trường, dòng hàng hóa và dịch vụ trong quá trình sản xuất, lưu thông phân phối và tiêu dùng,...

(3) Những kiến thức bản địa liên quan đến quản lý tài nguyên, và kỹ thuật canh tác,....

(4) Lịch sử thôn bản: Phần này nhằm tìm hiểu chung về thôn bản, thông qua đó người dân tự nhìn nhận những sự kiện đã xảy ra trong quá khứ và ảnh hưởng của nó đến đời sống cộng đồng thôn bản, cũng như việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên liên quan đến loài BTĐL.

(5) Vẽ sơ đồ thôn bản: Nhằm đánh giá, phân tích tình hình chung của thôn bản, đặc biệt là hiện trạng sử dụng đất đai liên quan đến cây BTĐL, để cùng người dân địa phương thảo luận đưa ra những giải pháp bảo tồn loài cây này.

(6) Quan sát trực tiếp: Nhóm nghiên cứu đi quanh làng để quan sát hiện trạng sử dụng cây BTĐL, và đến hiện trường nơi phân bố của BTĐL để quan sát, chụp ảnh, mô tả hiện trạng sử dụng đất của người dân xung quanh khu vực phân bố của chúng.



THẢO LUẬN

Nhóm nghiên cứu đã thiết kế và triển khai phương pháp đánh giá có tính hệ thống và tổng hợp. Các vấn đề về kinh tế, sinh thái và xã hội đều được xem xét trong suốt quá trình đánh giá. Bởi vì đó là các thành phần cơ bản cấu thành nên hệ sinh thái nhân văn. Mọi yếu tố trong hệ thống này đều có vai trò và ảnh hưởng qua lại lẫn nhau. Chính vì vậy mà các vấn đề hay khó khăn cần có các giải pháp mang tính hệ thống.

1. Lịch sử hình thành của các bản Phìn Ngài, Lùng Cúng và Nà Nheo

Bản Phìn Ngài

Theo như lời kể của một người già ở đây thì bản Phìn Ngài định cư được 5 đời. Người H'Mông ở đất di cư từ Trung Quốc sang. Lúc đầu chỉ có 3 hộ ở Phìn Ngài và 5 hộ ở Lùng Cúng. Vào thời gian đó đồng bào không biết trồng lúa nước mà chỉ làm rẫy và săn bắn.

Dòng họ Lù được coi là những người đầu tiên đặt chân lên mảnh đất này. 10 năm sau đó thì họ Trang mới đến đây. Dòng họ Trang biết cách trồng lúa nước. Chính vì vậy họ chọn những chỗ đất tốt và màu mỡ và trồng. Họ Lù sau đó học cách trồng lúa nước từ họ Trang chính vì vậy mà họ Trang thường có nhiều đất hơn. Theo dân bản kể thì họ Trang biết cách trồng lúa nước từ khi còn ở Trung Quốc trong khi họ Lù chỉ có biết ăn ngô và kê thôi. Tiếp đó họ Thào, Lý và Vàng cũng tới định cư ở đây. Người dân nói rằng do ở Trung Quốc đất chật người đông và đất cũng kém nên di cư sang đây để sinh sống.

Hiện tại không có ai còn nhớ rõ về diễn biến dân số trước đây, tuy nhiên dân số trong những năm gần đây: Năm 1949 có 30 hộ, 1971 có 40 hộ; 1975 có 48 hộ; 1986 có 60 hộ và đến năm 1987 do thiếu đất canh tác nên 20 hộ chuyển đi xã Nậm Tha; 12 hộ chuyển đi Bắc Yên và 6 hộ xuống trung tâm xã Nậm Có. Hiện tại ở Phìn Ngài có 38 hộ, là những hộ đã sống từ nhiều đời và gắn bó với mảnh đất này.

Bản Lùng Cúng

Cũng như Phìn Ngài, Lùng Cúng là một trong những bản vùng sâu, vùng xa nhất của huyện Mường Chải, tỉnh Yên Bái, là nơi định cư của cộng đồng người H'Mông khoảng 5 đời nay. Các cụ cao tuổi ở bản kể lại rằng, họ Trang và họ Thào là những người đến đây trước tiên. Còn lại các họ Lù, họ Ly, và họ Dênh đến sau. Tuy nhiên khác với Phìn Ngài, họ Trang ở Lùng Cúng chuyển đến Lùng Cúng là từ Sơn La. Điều này lý giải tại sao cùng họ Trang ở Lùng Cúng và Phìn Ngài có những nét khác nhau về văn hóa, tập quán, ví dụ như họ có lễ cúng Ma khác nhau.

Về diễn biến dân số: Trước năm 1949 : có 15 hộ bao gồm họ Thào và họ Trang; Năm 1975 : có 30 hộ. Đến nay cả bản có 54 hộ gia đình.

Lúc đầu mới tới định cư tới đây nguồn kiếm sống chủ yếu của họ từ trồng ngô, kê và sắn bản. Vật liệu lợp nhà chủ yếu ở 2 bản trên chủ yếu là từ gỗ của cây BTĐL kín.

Bản Nà Nheo

Nà Nheo là một trong những bản vùng sâu, vùng xa nhất của xã Khánh Yên Hạ, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai, thuộc địa giới của Lâm trường huyện Văn Bàn. Cộng đồng người HMông định cư hiện nay đến đây từ năm 1987. Phần lớn các hộ người HMông ở đây đều có nguồn gốc di cư từ bản Lùng Cúng, huyện Mù Cang Chải sang. Động lực chính khiến họ đến bản Nà Nheo để lập nghiệp là vấn đề an ninh lương thực, đất đai dành cho sản xuất nông nghiệp ở Lùng Cúng quá ít, năng suất cây trồng ngày một suy giảm. Theo ông Tráng A Dê - trưởng bản Nà Nheo thì khi họ đến đây đã thấy dấu tích sàn nhà cũ của cộng đồng người HMông định cư ở khu vực này từ trước. Nhưng những năm chiến tranh Trung Quốc (1979) họ đã sơ tán xuống Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái. Năm 1987 có 7 hộ người H'Mông với 25 nhân khẩu từ bản Lùng Cúng, xã Nậm Có chuyển đến khu vực này, đến năm 1992 có thêm 4 hộ gia đình họ Mã từ huyện Sapa chuyển đến. Từ năm 1989 -1990 có thêm 7 hộ tiếp tục di cư từ bản Lùng Cúng sang. Cũng trong năm 1992 có thêm 5 hộ ở huyện Sapa chuyển đến, kể từ đó Ủy ban Nhân dân xã Khánh Yên Hạ không cho các hộ khác đến định cư nữa và bản này cũng chính thức thuộc địa phận quản lý của xã Khánh Yên Hạ.

Hiện nay Nà Nheo đã có 35 hộ dân với tổng số 239 nhân khẩu gồm 3 dòng họ: họ Tráng, họ Giàng và họ Mã, trong đó họ Tráng là đông nhất (25 hộ).

Nhìn chung, đây là các bản thuần người H'Mông và có nguồn gốc từ Trung Quốc. Bản Nà Nheo là bản mới hình thành và thực chất có nguồn gốc là người HMông từ hai bản Lùng Cúng và Phìn Ngai. Hầu hết người HMông ở bản Nà Nheo có quan hệ họ hàng với người HMông ở bản Lùng Cúng và Phìn Ngai.

2. Các khía cạnh về kinh tế trong bảo tồn loài cây Bách Tán Đài Loan

2.1. Điều kiện cơ sở hạ tầng của các bản nghiên cứu

Bản Nà Nheo

Nà Nheo là bản vùng sâu và xa nhất của xã Khánh Yên Hạ, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và thuộc địa phận của Lâm trường Văn Bàn. Để tới bản chỉ có thể đi bộ 3 - 4 tiếng theo con đường mòn hiểm trở. Vào mùa mưa thì bản bị cô lập với bên ngoài. Hiện nay bản Nà Nheo vẫn chưa có điện lưới quốc gia.

Hầu hết các hộ trong bản có máy thủy điện nhỏ. Mức sống của bà con rất thấp. Trình độ dân trí cũng thấp. Chỉ có một vài người đàn ông ở đất biết nói tiếng phổ thông nhưng không thành thạo. 100% phụ nữ trong bản không biết nói tiếng phổ thông. Bản có một trường cấp 1 được xây dựng năm 1999 theo chương trình 135. Trường có 5 phòng học và 4 giáo viên. Phân hiệu trường là người H'Mông cũng sống tại Nà Nheo.

Kinh tế ở đây mang tính tự cung tự cấp. Bản thuộc diện nghèo nên được nhà nước hỗ trợ lương thực cứu đói. Thông qua chương trình 135 nhà nước đã hỗ trợ đã xây bể nước sạch cho người dân và cho dân vay vốn theo chương trình xóa đói giảm nghèo.

Bản Lùng Cúng và Phìn Ngài

Lùng Cúng và Phìn Ngài là hai bản có mức độ tiếp cận tới giao thông và các cơ sở hạ tầng khác cũng rất thấp. Hầu như hai bản này nằm cô lập với bên ngoài. Chỉ có thể đi bộ theo một con đường mòn dốc, hiểm trở để đi tới bản. Thời gian đi bộ khoảng 6 - 8 tiếng từ Trung tâm xã Nậm Có tới hai bản này. Người dân ở đây nói rằng con đường mòn này được khai khẩn từ thời Pháp thuộc.

Cũng giống như bản Nà Nheo cả 2 thôn này đều không có điện. Khoảng 60% số hộ sử dụng máy thủy điện nhỏ.

Cả Lùng Cúng và Phìn Ngài có trường tiểu học - thực ra là phân trường. Trường được xây dựng rất đơn giản. Giáo viên là người miền xuôi. Ở bản không có trạm xá.

Do nằm rất xa nên để đến được trạm y tế ở Trung tâm xã phải đi bộ mất 4 - 6h.

Nói chung, các bản nghiên cứu này đều thể hiện sự tiếp cận rất thấp tới giao thông, y tế, giáo dục so với các bản khác ở vùng núi phía Bắc Việt Nam.

2.2. Hiện trạng kinh tế hộ gia đình ở các điểm nghiên cứu

Bản Lùng Cúng và Phìn Ngài

Các hoạt động kinh tế chủ yếu ở đây là canh tác lúa nước, chăn nuôi và khai thác lâm sản như Sơn Tra, gỗ Pơ Mu...

Họ kể lại rằng dân hai bản này thiếu ăn vào thời Pháp thuộc. Vào thời gian đó họ thiếu ăn quanh năm. Ngô là lương thực chính của người Mông. Chính vì vậy, người dân địa phương phải khai khẩn đất ở khu vực thung lũng ở Trung tâm xã Nậm Có. Hiện nay phần lớn các hộ đều có diện tích đất ruộng ở đó. Để tới được đó thì người dân phải đi bộ hết 4 - 6 tiếng. Hiện nay người dân vẫn canh tác ở khu vực này. Diện tích ruộng ở đây là 2 vụ. Năng suất khoảng 2,5 tấn/ha/vụ. Người dân ở Lùng Cúng và Phìn Ngài còn có diện tích ruộng lúa nước 1 vụ ở quanh bản nhưng rất ít và năng suất kém vào khoảng 1,5 tấn/ha. Tổng cộng mỗi hộ có tổng diện tích hai loại ruộng từ 2,000 - 10,000 m². Tình trạng thiếu lương thực là vấn đề phổ biến ở đây. Sản lượng lương thực trung bình của mỗi hộ là 500 - 600 kg/năm. Trong khi đó nhu cầu tối thiểu của mỗi hộ là 1,2 tấn/năm.

Bên cạnh lúa nước người dân cũng trồng ngô trên rẫy xen với các loại rau, bầu, bí và khoai lang. Tuy nhiên tất cả chỉ đáp ứng nhu cầu sử dụng trong gia đình chứ không bán. Các hoạt động canh tác nương rẫy cũng là một trong những đe dọa tới việc bảo tồn loài Bách tán Đài Loan. Vì phần nương rẫy của các hai bản nằm gần khu vực phân bố của các loài cây này. Một nguy cơ là khi đất thiếu, suy thoái thì rất có thể họ sẽ xâm canh tới khu vực gần đó và đây là nguy cơ xâm hại tới loài cây quý giá này.



Đồng thời tất cả 54 hộ gia đình ở Lùng Cúng trồng thảo quả từ năm 1999 ở khu vực gần suối Đê Tênh nằm ở dưới chân núi nơi có cây Bách tán Đài Loan và ở khu vực quanh đó. Nhưng không có hộ nào ở Phìn Ngài trồng thảo quả ở đây. Trung bình mỗi hộ có khoảng 300 cây thảo quả.

Chăn nuôi ở đây chưa phát triển và chưa trở thành hàng hóa mà chỉ để phục vụ nhu cầu gia đình. Thỉnh thoảng người dân mang ra chợ ở trung tâm xã để trao đổi và để bán lấy tiền mua mắm muối.

Người dân gần như không có thu nhập gì từ việc bảo vệ rừng và trồng rừng. Do xa xôi

Khai thác lâm sản đóng vai trò quan trọng đối với kinh tế hộ gia đình của người H'Mông ở đây. 100% các hộ gia đình khai thác gỗ, trong đó có gỗ Pơ Mu tận thu chủ yếu vào thời kỳ nông nhàn để bán. Một số hộ khai thác chuyên nghiệp. Dễ dàng có thể thấy người dân ở hai bản này mang vác gỗ Pơ Mu mang xuống chợ gần trung tâm xã để bán cho đầu nậu. Một thờ



xê chi biết anh thường đi khai thác cả tháng trong rừng. Đầu nậu thường đưa tiền hoặc cho gạo trước rồi sau đó khai thác gỗ phải bán cho họ. Nếu làm cả tháng liên tục thì trừ các khoản tiền đi anh còn bỏ túi được 300.000 đồng. Tuy nhiên đây là công việc cực nhọc và nếu bị đau ốm như sốt rét hoặc tai nạn trong rừng thì sẽ trở thành thảm họa. Vì khi đó sẽ trở thành con nợ của đầu nậu và sẽ cứ phải khai thác gỗ để trả nợ. Tình trạng này xảy ra ở nhiều hộ gia đình nghèo.

Thêm vào đó người dân ở Lùng Cúng và Phìn Ngài còn khai thác Sơn Tra hay Táo Mèo để bán. Mùa thu hái khoảng từ tháng 9 đến tháng 10 âm lịch. Giá mỗi kg Táo khoảng 200 đồng tại chợ ở Trung tâm xã Nậm Có và 350 đồng ở chợ huyện Văn Chấn. Nó cũng mang lại nguồn thu nhập đáng kể cho bà con ở đây (khoảng 1 - 3 triệu đồng mỗi năm). Tuy nhiên do nằm xa Trung tâm nên việc vận chuyển Sơn Tra rất vất vả. Chỉ có thể gửi và đi bộ 4 - 6 tiếng để đi bán ở trung tâm xã Nậm Có.

Nói chung, khai thác lâm sản đóng vai trò quan trọng đối với kinh tế hộ ở đây trong khi nông nghiệp và chăn nuôi chủ yếu mang tính tự cung tự cấp chứ chưa thể hiện đúng vai trò của nó.

Bản Nà Nheo

Ở Nà Nheo, hoạt động kinh tế chủ yếu là canh tác lúa nước, canh tác nương rẫy và khai thác các sản phẩm rừng. Trong những năm gần đây nhà nước có chủ trương giao đất khoán rừng, do vậy hiện tượng đốt nương làm rẫy đã giảm hẳn, hoạt động tạo thu nhập chủ cho nông hộ là từ lúa nước và ngô trên nương. Hầu hết các hộ trong bản đều có lúa nước và có sổ đỏ về quyền sử dụng đất lúa nước. Nhưng diện tích giữa các hộ phân bố không đều nhau, hộ nhiều nhất 9.000 m², hộ ít nhất 500 m². Toàn bản có 14 ha diện tích lúa nước nằm ngay cạnh khu dân cư, nhưng do khí hậu lạnh nên lúa nước ở đây chỉ canh tác được 1 vụ/năm, năng suất thấp 0,3 tấn/năm. Ngoài ra mỗi hộ có diện tích nương khoảng 5000 –

10.000 m² trồng ngô xen bí và các loại rau khác. Hoạt động chăn nuôi chưa phát triển, dịch bệnh thường xuyên xảy ra đối với gia súc, gia cầm.

Ở Nà Nheo có 3 loại hình rừng chính thuộc Lâm trường huyện Văn Bàn quản lý: Rừng phòng hộ, rừng khoanh nuôi bảo vệ (dự án 661), lâm trường khoán bảo vệ cho các hộ gia đình, các hộ nhận khoán bảo vệ và có quyền sử dụng lâm sản ngoài gỗ, sử dụng gỗ củi, có thể trồng các loài cây có giá trị để sử dụng và được trả 40.000 VND/ha/năm, nhưng mới chỉ có 7 trong 35 hộ của bản nhận khoán bảo vệ những khu rừng gần bản, phần lớn rừng còn lại ở xa bản, xa trung tâm Lâm trường, hiện tại vẫn chưa giao cho các hộ, trên giấy tờ thì khu vực này rừng đã có chủ là Lâm trường, nhưng trên thực tế do địa bàn rộng, phân bố ở những nơi hẻo lánh, lực lượng của lâm trường quá mỏng, do vậy lâm trường không thể kiểm soát hết được, đặc biệt những khu rừng giáp ranh với huyện Mù Căng Chải, tỉnh Yên Bái, nơi gần với nơi phân bố của cây Bách tán Đài loan, người dân ở nơi này vẫn thường xuyên sang khai thác gỗ trộm, làm nương rẫy và trồng thảo



quả dưới tán rừng. Đây là những hoạt động thường xuyên gây nên những vụ cháy rừng và tàn phá lớp thảm thực vật rừng. Phần rừng còn lại là rừng sản xuất của Lâm trường huyện Văn Bàn. Hàng năm Lâm trường đều có kế hoạch khai thác, tất cả khối lượng gỗ khai thác này Lâm trường thuê người dân của ở Nà Nheo và các bản khác nằm trên địa bàn của Lâm trường khai thác thủ công. Nhưng thu nhập từ các hoạt động làm thuê cho lâm trường không đáng kể. Do vậy hiện tượng khai thác gỗ trái phép vẫn diễn ra thường xuyên. Trên đường tới bản Nà Nheo nhóm nghiên cứu bắt gặp nhiều nhóm đàn ông đi khai thác gỗ và vận chuyển gỗ đi bán (xem ảnh). Nhiều người thường xuyên đi khai thác gỗ trái phép trong rừng để kiếm tiền. Các loại gỗ mà họ thường khai thác là Pơ Mu và Giổi. Họ thường ở trong rừng hàng tuần và hàng tháng. Mỗi lần như vậy họ cũng chỉ thu được khoảng 200.000 đến 300.000 đồng sau khi đã trừ các khoản mà đầu nậu trả trước. Nhiều khi họ cũng chẳng được lợi lộc gì ngoài việc mang bệnh về và mắc thêm nợ.

Một trong những hoạt động tạo thu nhập hấp dẫn ở Nà Nheo trong mấy năm gần đây là trồng Thảo Quả, do rất dễ trồng, đầu tư ít chu kỳ thu hoạch dài 50-60 năm, giá cả thị trường cao 60.000-70.000 VND/kg khô, trong năm 2003 có một vài gia đình như nhà ông. Lệnh, ông Báo thu được khoảng 1 tấn Thảo Quả khô, cùng với chính quyền địa phương có chủ trương khuyến khích trồng, do vậy hầu hết các hộ trong bản đều tham gia hoạt động

này, trong tương lai đây là nguồn thu nhập chính ở Nà Nheo. Tuy nhiên không phải chỗ nào cũng trồng được Thảo Quả, vì đặc điểm sinh thái cây Thảo quả là sống dưới tán rừng, nơi có khí hậu lạnh ẩm ướt, mà những khu vực này gần khu phân bố BTĐL, khi trồng Thảo Quả bà con phát tán rừng kể cả những cây có đường kính 20-30 cm đều bị chặt, cộng vào đó khi thu hái Thảo quả để giảm công vận chuyển quả tươi bà con sấy tại rừng bằng phương pháp thủ công, do vậy cần một lượng củi lớn cho hoạt động này. Trồng thảo quả là hoạt động đem lại lợi ích kinh tế cho bà con, tuy nhiên đây cũng là hoạt động có ảnh hưởng rất lớn đến tài nguyên rừng, cũng là một trong những nguyên nhân gây nên các vụ cháy rừng.

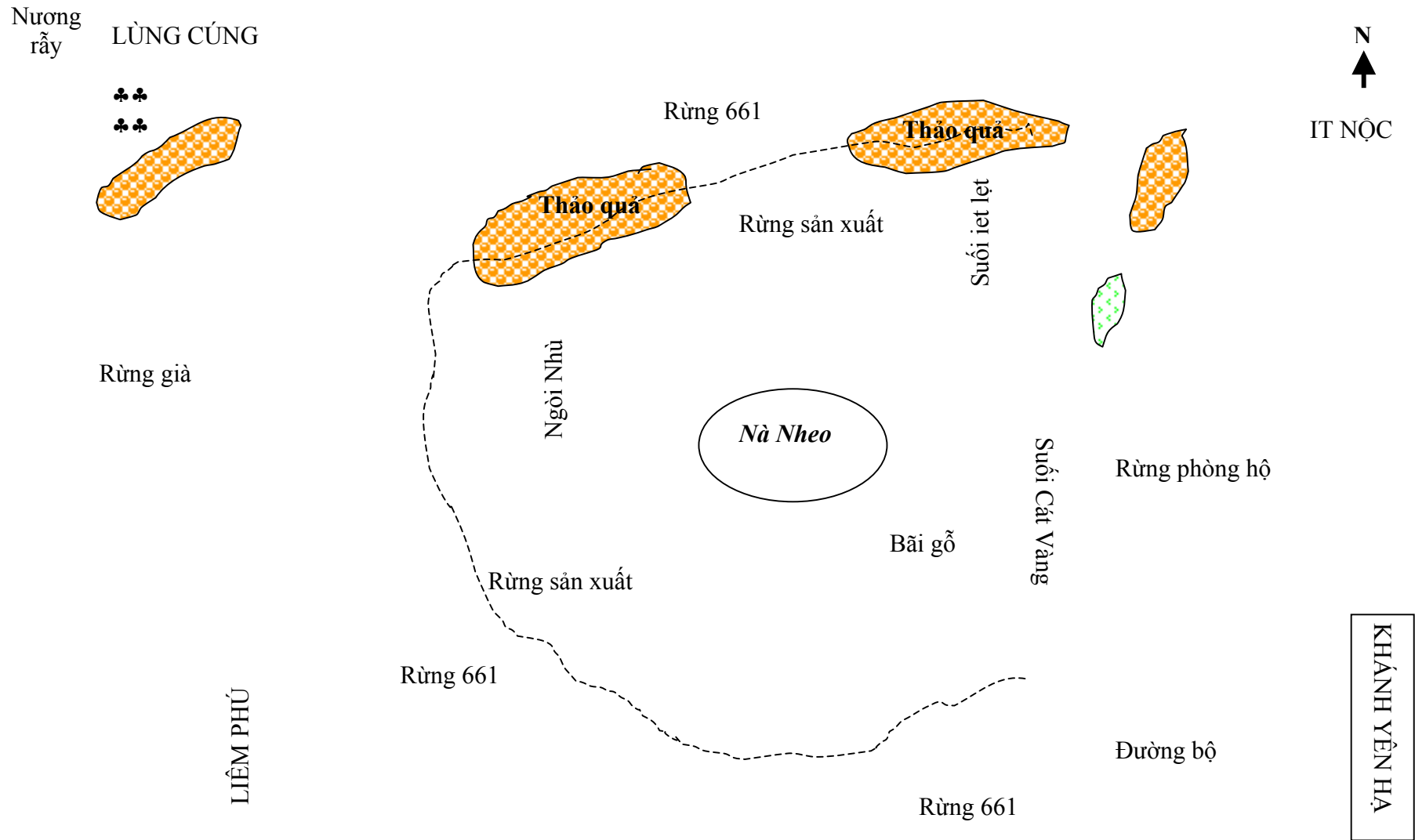
Nhóm nghiên cứu đã triển khai PRA để xem xét tầm quan trọng của các nguồn thu nhập đối với các hộ gia đình dựa trên sự tham gia đóng góp ý kiến của người dân. Người dân được hỏi về đánh giá của họ về tầm quan trọng của các nguồn thu nhập. Khai thác gỗ là một trong những hoạt động quan trọng đối với kinh tế hộ để giải quyết tình trạng thiếu đói. Người dân cũng thể hiện rằng họ thích mở rộng diện tích trồng thảo quả. Họ coi đó như nguồn thu nhập chính trong thời gian tới của gia đình. Tầm quan trọng của trồng trọt và chăn nuôi cũng được xếp ở mức cao. Nhưng các hoạt động này chưa được phát triển.

Theo cán bộ của xã Khánh Yên Hạ và quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện thì ủng hộ và khuyến khích việc phát triển cây thảo quả. Chính vì vậy mà số hộ trồng thảo quả đang ngày càng tăng. Trồng thảo quả sẽ mang lại nguồn thu nhập cho người dân. Nhưng việc thảo quả cần trồng ở dưới tán rừng nơi có độ ẩm cao. Một điều đáng quan tâm là hiện nay diện tích trồng cây thảo quả của cả Phìn Ngai, Nà Nheo và Lùng Cúng gần với khu phân bố của cây Bách tán Đài Loan và diện tích rừng 661. Khi trồng thảo quả người dân địa phương thường chặt bớt cây rừng thậm chí cây có đường kính 20 - 30 cm. Thêm vào đó họ còn sấy thảo quả ngay tại rừng để làm nhẹ cho công tác vận chuyển. Chính vì vậy nó đòi hỏi một khối lượng lớn cây gỗ. Thiết nghĩ việc trồng thảo quả mang lại thu nhập cho bà con là hết sức cần thiết và có ích nhưng tác động của nó tới tài nguyên rừng như cháy rừng hay thay đổi các điều kiện sinh thái nên được tính đến trong việc quy hoạch phát triển.

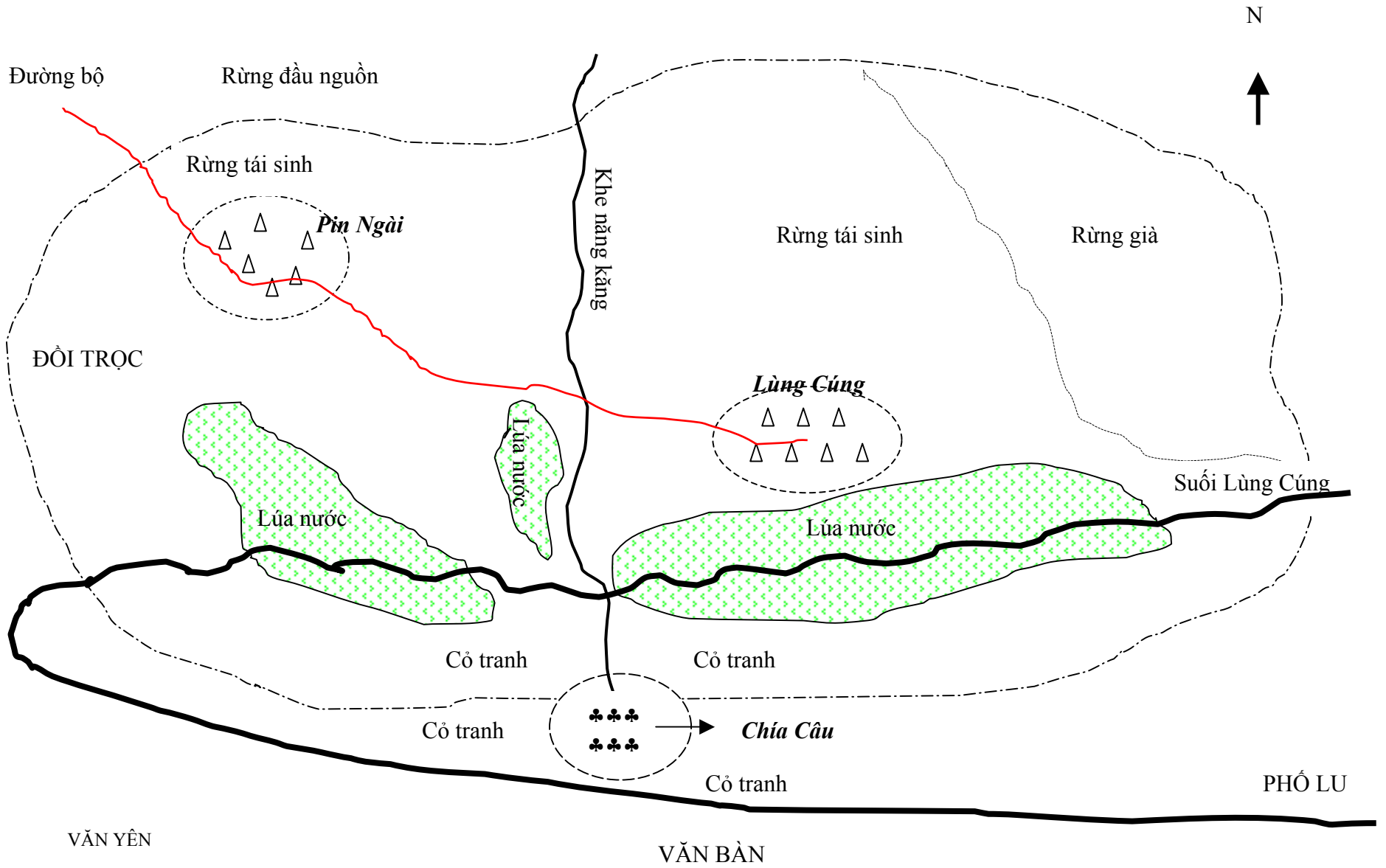
Nhìn chung, các hoạt động kinh tế của người H'Mông rất đơn điệu và chưa mang tính tự cung tự cấp. Trồng trọt và chăn nuôi vẫn là những hoạt động kinh tế chính. Tuy nhiên chỉ mang lại nguồn thu nhập nhỏ cho các hộ gia đình. Khai thác gỗ trái phép là một giải pháp mà người dân địa phương đang lựa chọn để kiếm tiền mua gạo chống đói. Các hoạt động khác như trồng thảo quả, khai thác gỗ và chăn thả gia súc là những hoạt động có thể tác động tới cây Bách tán Đài Loan. Việc tạo ra công ăn việc làm như nghề thủ công, chế biến các sản phẩm từ lâm sản rừng là hết sức cần thiết để giảm thiểu các tác động tới tài nguyên

rừng. Tuy nhiên cần chú ý tới sự tham gia của cộng đồng trong quá trình xây dựng và triển khai dự án. Quy hoạch sử dụng đất cho sản xuất nông - lâm nghiệp cần được hoàn thiện và triển khai có hiệu quả.

Hình 2: SƠ ĐỒ BẢN NÀ NHEO, XÃ KHÁNH YÊN HẠ



Hình 3: SƠ ĐỒ BẢN PIN NGAI VÀ LUNG CUNG XÃ NẠM CỐ



3. Hiện trạng quản lý tài nguyên ở Phìn Ngài, Nà Nheo và Lùng Cúng liên quan tới loài cây Bách tán Đài Loan

Theo kết quả điều tra, Nà Nheo có ít tác động tới cây Bách tán Đài Loan. Họ làm nương rẫy và các hoạt động ở khu vực khác chứ không thuộc khu vực phân bố loài Bách tán Đài Loan. Tác động của cộng đồng dân cư hai bản Lùng Cúng và Phìn Ngài có ảnh hưởng lớn tới việc bảo tồn loài cây này. Đặc biệt đời sống vật chất và văn hóa của họ gắn chặt loài cây quý giá này.

Bách tán Đài Loan và văn hóa của đồng bào H'Mông

BTĐL (*Taiwania cryptomerioides* Hayata), tên địa phương người H'mông bản Lùng Cúng và Phìn Ngài gọi là "Cha Câu", người H'mông ngoài bản này gọi là "Chía Câu", người Kinh gọi là "Thông Chua". Khi trao đổi với người dân ở ngoài 2 bản trên thì họ cũng không biết nhiều về về ý nghĩa từ "Chía Câu", họ chỉ biết rằng khi họ lớn lên thì đã có tên cây đó rồi. Riêng đối với người dân ở 2 bản Lùng Cúng và Phìn Ngài thì gọi cây này là "Cha Câu. Hiện tại cũng chưa có giải thích đầy đủ về ý nghĩa của tên này, nhưng cũng có thể người dân ở hai bản Lùng Cúng và Phìn Ngài từ lâu đã đặt tên cây căn cứ vào giá trị sử dụng, cũng như giá trị văn hóa của người H'mông đối với loài cây này.

Đặc điểm cây Cha Câu trong thân rất ít tinh dầu, gỗ cháy rất khó, thớ gỗ thẳng, dễ chế nên chỉ cần dùng dao cũng làm thành những tấm ván rất phẳng và người dân ở 2 bản Lùng Cúng và Phìn Ngài dùng để lập nhà. Trong khi 100% số hộ ở hai bản Lùng Cúng và Phìn Ngài sử dụng gỗ BTĐL để làm nhà thì không có hộ nào ở bản Nà Nheo sử dụng. Gỗ cây này còn được sử dụng để làm vách nhà và hàng rào. Chúng có độ bền rất cao có thể sử dụng trong khoảng 60-70 năm. Cuộc sống của người H'Mông ở đây gắn bó chặt chẽ với loại cây này. Trẻ con khi mới sinh ra, hoặc bị ốm đau thì bố đẻ của chúng đem gà, tiền đến gốc cây và lấy đá xếp quanh gốc thành bàn thờ để cúng, và nhận cây này là bố "Cha Câu" coi như những người cha đỡ đầu, các thành viên trong bản đều làm vậy, do đó mỗi người dân trong bản đều có người cha thứ 2 gọi là "Cha Câu". Do vậy mà mỗi khi người đó đi qua cây Chia Câu thì họ đều cúi đầu chào người cha của họ. Trong quá trình nghiên cứu tại đây chúng tôi đã quan sát thấy tất cả các gốc



cây Cha Câu đều có đá xếp xung quanh. Đôi khi họ con mang quần áo ra đó cheo lên cành cây để cho Cha Câu mặc.

Mặc dù Pơ Mu cây gỗ có rất nhiều giá trị về mặt kinh tế, gắn liền với cuộc sống người dân ở đây, và hình dáng bên ngoài cũng giống cây Cha Câu, nhưng không được họ chọn để làm người cha thứ 2 của mình, chỉ một lý do đơn giản là Pơ Mu ở



vùng này có rất nhiều, hơn nữa cây Cha Câu to cao, xanh tốt khỏe mạnh quanh năm, dáng vóc uy nghiêm, nên nếu được cây này là bố thì sẽ ít bị ốm đau hơn. Họ thường đến thăm nom, chăm sóc cây, nhiều người còn đem áo, chăn của mình vắt lên cành cây tượng trưng cho cha mình đang mặc áo để tránh được những đêm giá lạnh.

Với những ý nghĩa đặc biệt của "Cha Câu", gắn liền với những giá trị văn hóa của người H'mông ở 2 bản Lùng Cúng và Phìn Ngài, mà người dân ở đây đã có những câu về truyền miệng từ đời này qua đời khác, nhằm nhắc nhở con cháu cần phải có ý thức giữ gìn, bảo vệ loài cây này.

"Trẻ em không được lấy dao chặt, để cây "Cha Câu" to lớn để làm nhà....."

Đoạn về mang tính giáo dục và bảo tồn rất cao, và đã nhiều lần được phát lên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh Yên Bái bằng tiếng H'mông.

Hiện tại loài cây này còn không nhiều, ở bản Lùng Cúng có 8 cây, Phìn Ngài có 7, cao khoảng 8-9 m, đường kính khoảng 40-50 cm, thuộc khu rừng phục hồi của bản, tất cả đều được trồng từ thời chống Pháp, và mới gần đây phát hiện còn sót lại rải rác ở khu rừng suối Đê Tênh khoảng 4-5 ha nhưng rất thưa thớt (xem ảnh bên và hình 4). Từ bản Phìn Ngài đến

khu rừng này bằng lối mòn mất 3-4 h, nơi giáp ranh với địa phận Lâm trường, huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Kai, những năm trước đây khu vực này là nơi canh tác nương rẫy của nhân dân 2 bản Lùng Cúng và Phìn Ngài, và đã gây nên những vụ cháy rừng âm ỉ hàng nửa tháng, do vậy hiện tại xung quanh chỉ còn là đồi trọc, lau lách và là



nơi thả rông trâu bò do vậy rất dễ gây cháy nếu có bất kỳ một hoạt động dùng lửa vô ý thức nào, nhất là từ tháng 3-5 khi xuất hiện gió Lào, ngoài ra ở khu vực cạnh suối Đê Tênh bà con vẫn phát tán rừng trồng Thảo Quả. Sỡ dĩ còn sót lại khu rừng này giữa vùng đất trống, đồi

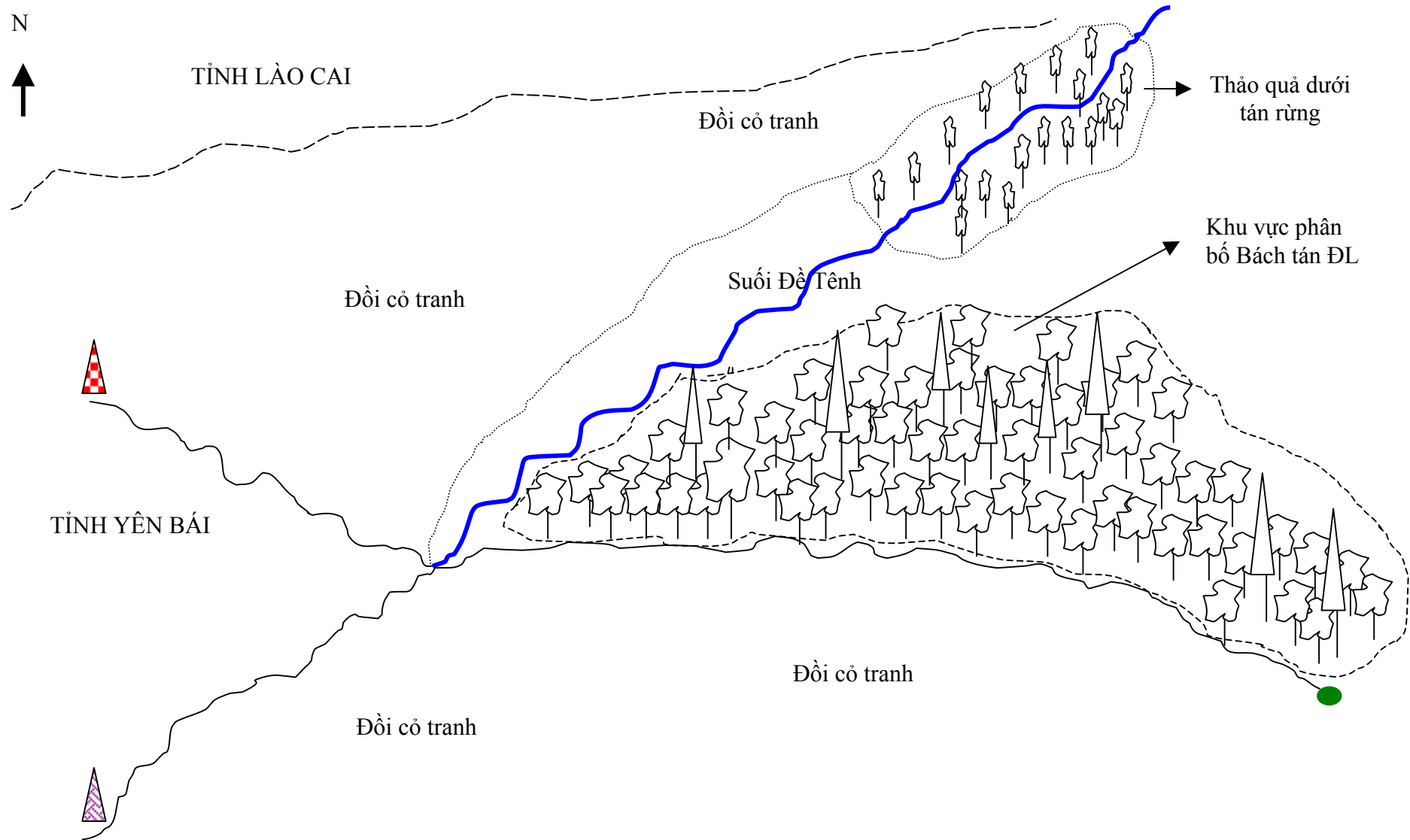
trọc là vì nó liên quan trực tiếp đến cuộc sống vật chất và tâm linh của cộng đồng 2 bản Lùng Cúng và Phìn Ngài. Những năm trước nơi đây là nguồn cung cấp Cha Câu cho 2 Lùng Cúng và Phìn Ngài để làm ván lợp nhà, nhưng do khai thác quá mức nên những năm gần đây nguồn Cha Câu trở nên hiếm dần. Người dân cũng tự nhận thức được rằng khai thác cạn kiệt nguồn Cha Câu sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của họ, con cháu họ sau này và họ đã bắt đầu quan tâm. Vì hiện nay do đường xá đi lại rất khó khăn, nên chưa thể có loại vật liệu nào có thể thay thế được cây này để lợp nhà. Chính vì thế việc bảo vệ, khai thác Cha Câu như thế nào cho hợp lý là một trong những nội dung quan trọng và thường được đề cập trong các phiên họp của bản.

Khu vực này trước năm 1996 được giao cho 2 bản Lùng Cúng và Phìn Ngài quản lý và họ cũng có những quy định riêng trong việc khai thác, sử dụng đó là mỗi hộ khi làm nhà chỉ được chặt một cây, và trước khi chặt là phải báo cáo 2 trưởng bản, lúc đó 01 cây Cha Câu đủ để làm được 2 nhà. Nhưng do 2 bản quản lý nên nảy sinh nhiều vấn đề về quản lý, nhất là bà con vẫn lết lút trồng cây thuốc phiện, do vậy sau năm 1996 khu vực này được giao cho Phìn Ngài quản lý. Kể từ đó Phìn Ngài lập ra ban quản lý riêng, thành viên ban quản lý bao gồm: Trưởng bản, công an viên bản, và các cụ già trong bản, họ họp và đưa ra các quy định riêng của bản:

- Chỉ được chặt 01 cây Cha Câu khi làm nhà
- Trước khi chặt phải xin phép ban quản lý mà trực tiếp là trưởng bản.
- Nếu dân Lùng Cúng muốn sử dụng Cha Câu để làm nhà thì cũng phải xin phép trưởng bản Phìn Ngài.
- Khi bắt được người ngoài chặt cây mà không xin phép ban quản lý (kể cả người trong và ngoài bản), thì ban quản lý sẽ mời tất cả thành viên của ban, và thống nhất hình thức phạt từ 100.000-200.000 đồng tùy theo cây to hay nhỏ.
- Nghiêm cấm không cho đem lửa vào khu vực này.

Tóm lại, các quy định riêng của cộng đồng và thỏa ước riêng của họ đã có vai trò vô cùng to lớn trong việc bảo tồn tài nguyên chung của cộng đồng. Chính vì vậy, cây Bách tán Đài Loan mới được bảo vệ tốt. Giá trị này cần được tính đến trong quá trình xây dựng Kế hoạch Hành động Bảo tồn BTĐL dựa vào cộng đồng.

Hình 4: SƠ ĐỒ KHU PHÂN BỐ CÂY BTĐL



4. Vai trò của các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội trong việc bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng

- ***Cơ quan kiểm lâm***

trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã gặp gỡ và thảo luận với kiểm lâm của Hạt kiểm lâm huyện Văn Bàn và Mù Căng Chải về các vấn đề liên quan tới bảo tồn cây Bách tán Đài Loan. Lực lượng kiểm lâm đang phải đối mặt với rất nhiều khó khăn. Chẳng hạn như lực lượng quá mỏng mà phải kiểm soát một diện tích lớn và địa hình phức tạp.

Hiện tượng khai thác gỗ trái phép vẫn diễn ra tại địa bàn 2 huyện. Hạt kiểm lâm Văn Bàn bắt và thu giữ được rất nhiều gỗ. Tuy nhiên, tình trạng này vẫn không có gì thay đổi. Trên đường đi Nà Nheo và Lùng Cúng chúng tôi bắt gặp rất nhiều người dân địa phương mang vác gỗ Pơ Mu đi bán.



Theo như người dân ở hai bản Lùng Cúng và Phìn Ngai họ chưa thấy một cán bộ kiểm lâm nào vào bản mình hay tới khu vực phân bố cây Bách tán Đài Loan nằm ở vùng giáp ranh 2 huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và Mù Căng Chải, thuộc Yên Bái.

Phần lớn kiểm lâm của các huyện này còn chưa biết và hiểu rõ về cây Bách tán Đài Loan ngoài việc nghe ai đó kể.

Chính vì vậy có lẽ hơn ai hết đồng bào H'Mông chính là người bảo vệ BTĐL tốt nhất.

- ***Cơ quan địa chính và nông nghiệp***

Ngoài lực lượng kiểm lâm, cơ quan địa chính và phòng nông nghiệp cũng là những tổ chức Nhà nước trực tiếp tham gia quản lý trồng rừng và qui hoạch sử dụng đất đai. Họ thường xuyên theo dõi những diễn biến của rừng và đất đai, hướng dẫn người dân thực hiện các chính sách quản lý đất đai và tài nguyên của nhà nước. Tuy nhiên, việc quản lý của các cơ quan nhà nước thường lỏng lẻo. Cán bộ địa chính thì không thống kê hết được đất canh tác của người

dân cũng như nơi canh tác. Đặc biệt diện tích phát tán rừng trồng thảo quả tràn lan của người dân trong những năm gần đây, và họ chỉ khai báo một phần diện tích canh tác. Theo như cán bộ lâm nghiệp xã Nậm Có hiện nay có tới khoảng 1,000 ha đất trồng chưa giao cho cá nhân hay tổ chức quản lý. Chính vì vậy đất vẫn chưa có chủ quản lý. Điều này có thể đe dọa tới tài nguyên vì đó là những nơi có nguy cơ cháy rừng cao vì phần lớn là diện tích cỏ tranh.

Trong khi đó còn đối với diện tích lúa nước, người dân được cấp sổ đỏ chứng nhận nhưng lại không có diện tích cụ thể và số thửa.

- **Lâm trường**

Lâm trường Văn Bàn có trách nhiệm tổ chức quản lý bảo vệ và sản xuất kinh doanh rừng trên đất lâm nghiệp được giao, đồng thời là đơn vị chịu trách nhiệm trong việc thực hiện và quản lý dự án 661 trong vòng 10 năm từ 1999 đến 2010, mục tiêu của dự án là khoanh nuôi, bảo vệ và trồng rừng trên địa bàn huyện. Rừng sản xuất của Lâm trường huyện Văn Bàn có trên 7 xã của huyện, trong đó có xã Khánh Yên Hạ. Hàng năm căn cứ vào bản đồ điều chế, lâm trường xây dựng kế hoạch khai thác cho từng tiểu khu, lợi nhuận thu được từ bán gỗ tròn và các sản phẩm chế biến khác một phần đầu tư vào trồng rừng (20% tổng lợi nhuận), bảo vệ rừng, và chi trả tiền lương cho công nhân. Hiện tại Lâm trường có 01 tổ bảo vệ rừng gồm 8 người thường xuyên nằm ở các cơ sở thuộc địa bàn lâm trường quản lý, nhiệm vụ của đội này là giám bảo vệ giám sát các hoạt động xâm hại đến tài nguyên rừng của đơn vị mình. Ngoài ra ở dưới cơ sở còn có 01 đội lâm sinh 20 người, nhiệm vụ của đội này là chịu trách nhiệm giám sát kỹ thuật trồng và tu bổ rừng. Trên thực tế cũng do lực lượng mỏng nên Lâm trường cũng không thể giám sát hết được các hoạt động của người dân đến tài nguyên rừng mà mình quản lý, hiện tượng phát rừng làm rẫy, trồng Thảo Quả và khai thác gỗ vẫn còn diễn ra, đặc biệt khu vực giáp danh với huyện Mù Căng Chải.

Trao đổi với cán bộ lâm trường về cây BTĐL, cùng với những tài liệu tham khảo từ các đợt điều tra trước, chúng tôi đã xác định khu vực phân bố của loài BTĐL trên bản đồ là thuộc tiểu khu 529 của Lâm trường và có một phần giáp với huyện Mù Căng Chải, tỉnh Yên Bái. Hiện tại khu vực này chưa giao cho cán bộ công nhân viên quản lý. Theo các cán bộ thuộc phòng kỹ thuật của Lâm Trường cho biết, tác động lớn nhất đến tài nguyên rừng khu vực này là hiện tượng phát nương làm rẫy và phát cây bụi, thảm tươi dưới tán rừng kể cả những cây có đường kính 20-30 cm để trồng Thảo Quả của bà con các bản Lùng Cúng và Phìn Ngai, tỉnh Yên Bái. Ngoài ra khi thu hoạch Thảo Quả, để giảm công vận chuyển bà con đã chặt một khối lượng gỗ rất lớn để làm củi sấy khô thủ công trước ngy tại rừng khi đem về nhà. Những hoạt động này là nguyên nhân gây nên các vụ cháy rừng. Hiện nay lâm trường vẫn chưa có giải pháp nào để ngăn chặn hiện tượng này, do khu vực có trồng Thảo Quả phân bố quá xa trung tâm của lâm

trường, lực lượng lâm trường quá mỏng, hơn nữa đây là chủ trương của UBND huyện Văn Bàn.

- ***Vai trò của các tổ chức xã hội trong quản lý tài nguyên***

Khác với các thôn bản miền núi khác, hai bản Lùng Cúng và Phìn Ngai chưa có các tổ chức xã hội như Hội phụ nữ, Hội người cao tuổi, Hội cựu chiến binh, Hội thanh niên và Chi bộ. Vì hai bản này nằm cách xa với trung tâm xã. Hơn nữa người dân vẫn phải đối mặt với vấn đề an ninh lương thực. Điều mà họ quan tâm nhất là kiếm đủ gạo ăn. Họ thường làm cả ngày trên rừng, rẫy.

Trưởng bản đóng vai trò quan trọng trong tổ chức và điều hành mọi hoạt động của bản. Trưởng bản thường tổ chức các cuộc họp khi cần thiết. Mọi vấn đề được thảo luận trong các cuộc họp đó.

Nói chung, tài nguyên rừng tại khu vực này ngày càng bị suy giảm và suy thoái do tác động của việc khai thác. Các hoạt động phát triển vốn rừng ít được quan tâm trong khi chủ yếu tập trung vào khai thác. Đầu tư cho trồng rừng chiếm một phần nhỏ so với khai thác rừng. Các nguy cơ đe dọa tới tài nguyên rừng nói chung và cây BTĐL là khai thác gỗ trái phép, cháy rừng, chăn thả gia súc ở xung quanh khu vực Tuy nhiên, phương thức quản lý rừng cộng đồng của người H'Mông ở đây là một trong những giải pháp tốt cho bảo tồn loài cây này.

ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ ĐE DỌA VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Dựa trên kết quả nghiên cứu và phân tích, các nguy cơ đe dọa, nguyên nhân của nó và các giải pháp được trình bày ở bảng sau:

No	Nguy cơ đe dọa	Nguyên nhân	Giải pháp
1	Cháy rừng	<i>Nhận thức của người dân</i>	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Nâng cao nhận thức và nâng cao năng lực cho người dân về phòng chống cháy rừng, đặc biệt là trẻ em; ➤ Thiết lập chương trình giáo dục bảo tồn tại các trường học và các cộng đồng ở xã Nậm Cỏ và Khánh Yên Hạ; ➤ Thiết lập nhóm phòng chống cháy rừng ở cộng đồng; ➤ Hoàn thiện và thúc đẩy mô hình quản lý rừng dựa vào cộng đồng sẵn có ở Phìn Ngai.
		<i>Tác động của canh tác nương rẫy</i>	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Cải thiện hệ thống canh tác lúa nước và chăn nuôi; ➤ Xây dựng chương trình nông lâm kết hợp.
		<i>Diện tích quần xã cỏ tranh nhiều nguy cơ cháy rừng khi mùa khô</i>	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Làm băng cản lửa; ➤ Hạn chế cạnh tác nương rẫy.
2	Khai thác lâm sản	<i>nghèo đói</i>	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Cải thiện kinh tế hộ thông qua việc tạo thu nhập từ lâm nghiệp và các hoạt động khác; ➤ Nâng cao nhận thức của người dân.
		<i>khai thác gỗ trái phép</i>	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Tìm kiếm loại vật liệu thay thế cây BTĐL để lợp nhà; ➤ Nâng cao nhận thức của người dân về bảo tồn; ➤ Tận dụng, khuyến khích và đẩy mạnh các giá trị về luật tục trong quản lý tài nguyên.

		<i>năng lực quản lý và bảo vệ rừng của kiểm lâm và lâm trường còn thấp</i>	<ul style="list-style-type: none"> ➤ đẩy nhanh và hoàn thiện quá trình giao đất giao rừng; ➤ nâng cao năng lực cho kiểm lâm và cán bộ lâm trường về quản lý và bảo tồn.
		<i>khai thác gỗ và đầu tư phát triển vốn rừng thấp</i>	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Tăng cường năng lực cho lâm trường trong việc quy hoạch và khai thác bền vững tài nguyên.
		<i>phối kết hợp giữa các cơ quan kiểm lâm, lâm trường và ủy ban nhân dân trong công tác quản lý bảo vệ rừng còn yếu</i>	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Thúc đẩy phối kết hợp giữa các cơ quan kiểm lâm, lâm trường và ủy ban nhân dân trong công tác quản lý bảo vệ rừng;
3	Trồng thảo quả	<i>Quy hoạch phát triển kinh tế xã hội ít quan tâm tới công tác bảo tồn loài</i>	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Tổ chức hội thảo về các vấn đề liên quan đến bảo tồn BTĐL và phát triển kinh tế xã hội; ➤ Xây dựng và triển khai chương trình giáo dục truyền thông về giá trị của cây BTĐL.
		<i>Năng lực quản lý bảo tồn của FPD</i>	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Nâng cao năng lực quản lý bảo tồn cho kiểm lâm;
		<i>vấn đề an ninh lương thực</i>	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Xây dựng dự án phát triển kinh tế hộ gia đình.
4	Chăn thả gia súc	<i>chưa có quy hoạch bãi chăn thả</i>	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Quy hoạch bãi chăn thả gia súc;
		<i>nhận thức của người dân về bảo tồn và phòng chống cháy rừng</i>	<ul style="list-style-type: none"> ➤ Nâng cao nhận thức bảo tồn và phòng chống cháy rừng; ➤ Xây dựng chương trình giáo dục truyền thông về bảo tồn.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận

Qua kết nghiên cứu về kinh tế - xã hội cũng như việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên liên quan đến loài BTĐL ở 3 bản Nà Nheo; Lùng Cúng và Phìn Ngài, nhóm nghiên cứu chúng tôi đưa ra một số kết luận sau:

- Cơ cấu kinh tế hộ của người H'Mông chủ yếu là nông nghiệp, chăn nuôi và khai thác lâm sản. Kinh tế của các cộng đồng này mang đặc trưng tự cấp do sự khó khăn về vị trí địa lý và địa hình.
- Thu nhập thấp và chủ yếu dựa vào khai thác lâm sản.
- Thu nhập từ trồng rừng và bảo vệ rừng của các cộng đồng này rất khiêm tốn.
- Việc quản lý và bảo vệ rừng của các cơ quan còn lỏng lẻo.
- An ninh lương thực là vấn đề phổ biến ở các cộng đồng nghiên cứu. Đây là nguyên nhân đẩy người dân phải thác gỗ trái phép và càng gây áp lực tới tài nguyên rừng.
- Làm nương rẫy, chăn thả gia súc và trồng thảo quả có tác động tới tài nguyên nói chung và nguy cơ đe dọa cây BTĐL nói riêng.
- BTĐL là loài cây biểu tượng, gắn liền với đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân 2 bản Lùng Cúng và Phìn Ngài.
- Mô hình quản lý tài nguyên dựa vào cộng đồng của người H'Mông ở Phìn Ngài và Lùng Cúng là giá trị cần được quan tâm trong công tác bảo tồn.
- Vật liệu lợp nhà của người dân 2 bản Lùng Cúng và Phìn Ngài duy nhất là từ gỗ loài BTĐL
- BTĐL phân bố ở khu vực ranh giới giữa hai huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và Mường Chải, tỉnh Yên Bái. Quyền sử dụng đất ở khu vực này còn chưa rõ ràng gây cản trở cho việc bảo tồn.
- Cộng đồng dân cư ở Lùng Cúng và Phìn Ngài có vai trò trong việc quản lý và bảo vệ cây BTĐL này và cũng là cộng đồng có tác động chủ yếu lên tài nguyên tại khu vực.
- Hầu hết cán bộ của Lâm trường, Hạt Kiểm lâm, Địa chính, UBND huyện đều chưa biết về loài cây BTĐL.
- Bảo tồn loài BTĐL chưa được đề cập trong quy hoạch phát triển kinh tế và xã hội của các tỉnh và các huyện này.

Kiến nghị

- ***Hoàn thiện qui hoạch sử dụng đất ở mức thôn bản***

Phân tích tình trạng sử dụng đất hiện nay đã nhận thấy còn nhiều bất cập. Khu vực đất nơi phân bố xung quanh loài BTĐL hiện tại chưa rõ ràng về ranh giới, đất chưa có chủ nên hiện tượng canh tác nương rẫy, đốt cỏ chăn nuôi thả rông còn phổ biến xung quanh khu vực phân bố loài BTĐL, đây cũng là nguyên nhân chính gây ra các vụ cháy rừng. Đồng thời UBND huyện Văn Bàn và huyện Mù Cang Chải phối cần phổ hợp với chi hạt Kiểm lâm, lâm trường và UBND các xã qui hoạch vùng trồng Thảo Quả, để hạn chế việc phát rừng trồng Thảo Quả bừa bãi của nhân dân.

- ***Tiếp tục thực hiện chính sách giao đất giao rừng đến hộ gia đình***

Khi thảo luận về vai trò của quyền sở hữu/sử dụng tài nguyên rừng và đất rừng, nhóm nghiên cứu và người dân địa phương đều thống nhất phải tiếp tục giao đất đến hộ gia đình, làm cho mỗi mảnh đất, mảnh rừng đều có chủ cụ thể, gắn quyền lợi và trách nhiệm trong quản lý tài nguyên của mỗi hộ gia đình. Nhờ vậy sẽ loại bỏ được tình trạng "Cha chung không ai khóc" trong quản lý rừng hiện nay ở địa phương.

- ***Tăng cường tổ chức và luật lệ cộng đồng về quản lý tài nguyên***

Kết quả điều tra cho thấy một trong những nguyên nhân dẫn đến kém hiệu quả trong quản lý tài nguyên rừng ở địa phương là vai trò cộng đồng còn mờ nhạt. Những hộ gia đình gia đình đơn lẻ không tổ chức, không có cam kết với nhau thường bất lực trước những hành động xâm hại tài nguyên ngay cả những tài nguyên đã được nhà nước giao quyền họ sở hữu và sử dụng. Vì vậy, cần khuyến khích và thúc đẩy phương thức bảo tồn và quản lý dựa vào cộng đồng đã và đang tồn tại ở hai bản Lùng Cúng và Phìn Ngai.

- ***Tăng cường lực lượng hướng dẫn và giám sát thực hiện qui hoạch sử dụng đất và giao đất giao rừng***

Nguyên nhân quan trọng của sự lỏng lẻo trong quản lý tài nguyên là thiếu sự tham gia của các tổ chức chính quyền và cộng đồng trong giám sát sử dụng đất đai của các bản người H'mông nói trên. Qua trao đổi với người dân cho thấy phần lớn chính sách của Nhà nước đối với người H'mông về sử dụng rừng và đất rừng hầu như không có hiệu lực. Nhiều người không có ý niệm về quy hoạch sử dụng rừng và đất rừng của nhà Nước, một số người biết qui định của nhà Nước là ngăn cấm phá rừng làm nương, song vì không có người giám sát hoạt động này nên hiện tượng phát rừng làm nương vẫn thường xuyên xảy ra. Do vậy, nhà Nước không chỉ hỗ trợ cho thực hiện quy định sử dụng đất mà còn phải xây dựng thể chế chính sách cho việc hướng dẫn kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất. Những tổ chức này cần có mạng lưới

đến cấp thôn bản. Bên cạnh việc hình thành các tổ chức giám sát quản lý rừng cần phải giao cho họ thẩm quyền nhất định trong việc xử lý các trường hợp vi phạm.

- ***Cải thiện kinh tế hộ gia đình***

Nguyên nhân sâu xa của việc khai thác phi pháp làm suy giảm tài nguyên rừng và ĐDSH là do nghèo đói. Cần hiểu rằng người dân vừa là người phá rừng và cũng vừa là người bảo vệ rừng. Không ai hơn người dân địa phương bảo vệ tài nguyên rừng ở khu vực sinh sống của họ. Nâng cao năng suất của hệ thống canh tác, phát triển chăn nuôi là những giải pháp giải quyết vấn đề suy thoái tài nguyên.

- ***Nâng cao nhận thức bảo tồn***

Cần thiết phải xây dựng và triển khai chương trình giáo dục bảo tồn về loài BTĐL cho các đối tượng là cán bộ các cơ quan liên quan và người dân địa phương.

Xây dựng các câu lạc bộ bảo tồn ở các trường học và ở cộng đồng địa phương là hết sức cần thiết. Đặc biệt cần xây dựng chương trình tuyên truyền trên các phương tiện truyền thông về loài cây BTĐL.

Tổ chức hội thảo về các vấn đề liên quan đến Bảo tồn BTĐL giữa các bên tham gia bao gồm đại diện của cộng đồng địa phương, chính quyền địa phương tỉnh, huyện và xã từ các cơ quan ban ngành liên quan.

- ***Xây dựng băng cản lửa***

Song song với các biện pháp để nâng cao ý thức cho người dân, việc xây dựng băng cản lửa xung quang khu vực phân bố của loài BTĐL kín là hết sức quan trọng nhằm tránh tác hại do lửa rừng.

Ngoài ra cần thiết lập nhóm phòng chống cháy rừng ở cộng đồng địa phương và có quyền lợi cho họ.

- ***Nghiên cứu tìm vật liệu lợp nhà thay thế cây BTĐL***

Hiện nay ở 2 bản Lùng Cúng và Pin Ngài vật liệu lợp nhà duy nhất là từ gỗ cây BTĐL, do vậy để giảm áp lực đối với loài cây này cần nghiên cứu tìm vật liệu lợp nhà thay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Trần Đức Viên và cộng sự, 2001. *Nông thôn miền núi, những nghiên cứu phát triển lâu bền*. Nhà xuất bản nông nghiệp.
2. Trần Đức Viên, 2001. *Thành tựu và thách thức trong quản lý tài nguyên và cải thiện cuộc sống người dân ở trung du-miền núi Việt nam*. Nhà xuất bản chính trị Quốc gia.
3. Lê Trọng Cúc và Terry Rambo, 2001. *Vùng núi phía bắc Việt nam, một số vấn đề về môi trường và kinh tế xã hội*. Nhà xuất bản chính trị và quốc gia.
4. Jean-Christophe Castella và Đặng Đình Quang, 2002. *Đổi mới ở vùng miền núi*. Nhà xuất bản Nông nghiệp.
5. Trần Ngọc Lan, 1999. *Phát triển bền vững vùng đệm khu bảo tồn thiên nhiên và vườn Quốc gia*. Nhà xuất bản nông nghiệp.
6. Ủy ban nhân dân huyện Văn Bàn, 2003. *Báo cáo tóm tắt qui hoạch sử dụng đất đai huyện Văn Bàn-tỉnh Lào Cai đến năm 2010*.
7. Ủy ban nhân dân huyện Văn Bàn, 2003. *Báo cáo công tác quản lý sử dụng đất đai năm 2002 và 9 tháng đầu năm 2003*

Tiếng Anh

1. Steph Cox and Tran Manh Hung, 2002. *Social-economic Status and Forest Resource Use of Three Villages in Van Ban District, Lao Cai Province, Vietnam*. (not published yet)
2. P. Balakrishna, 2001. *Agriculture and Biodiversity*. IUCN regional Biodiversity Programme, Asia.